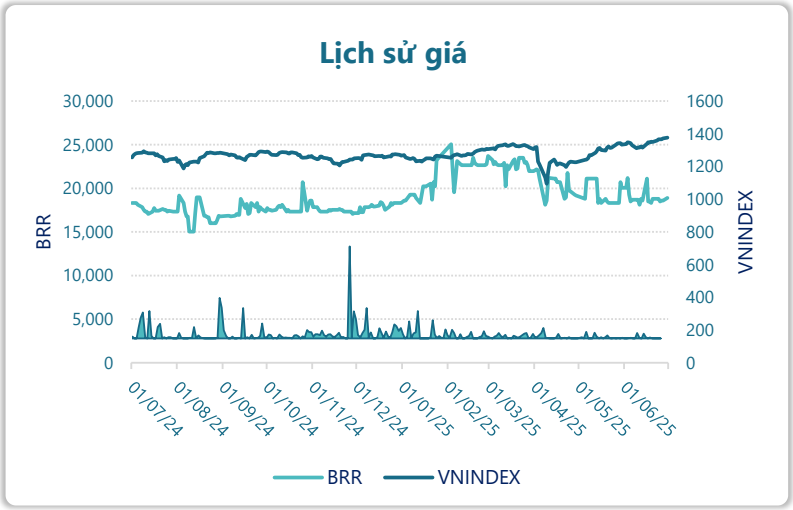
FireAnt

CTCP Cao su Bà Rịa (UPCOM: BRR)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**19,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,047
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,028
SL cổ phiếu LH	112,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,040
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,205
P/E	14.0
EPS	1,397

DT thuần

Q2/25

86.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0| 45.8%

YoY: ▲ 32.8| 61.7%

LN sau thuế

Q2/25

42.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 35.0| 450%

YoY: ▲ 21.6| 102%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

61.1%

+/- YoY: ▲ 11.8%

DT thuần

6T 2025

145

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0| 39.1%

LN sau thuế

6T 2025

50.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.7| 96.0%

ROE

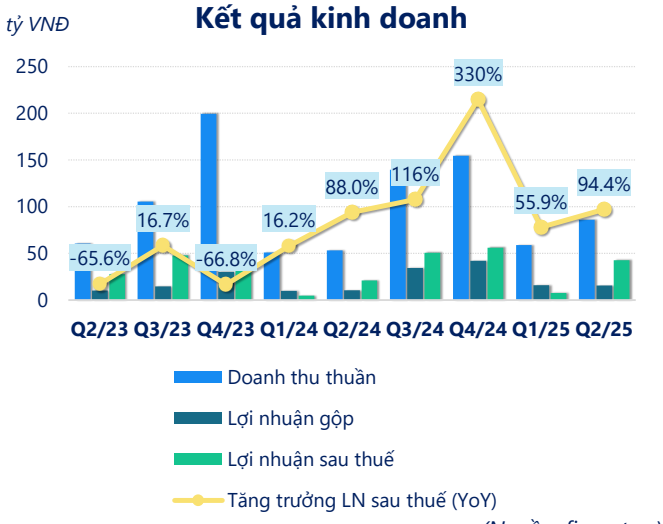
Q2/25

11.1%

+/- YoY: ▲ 1.5%

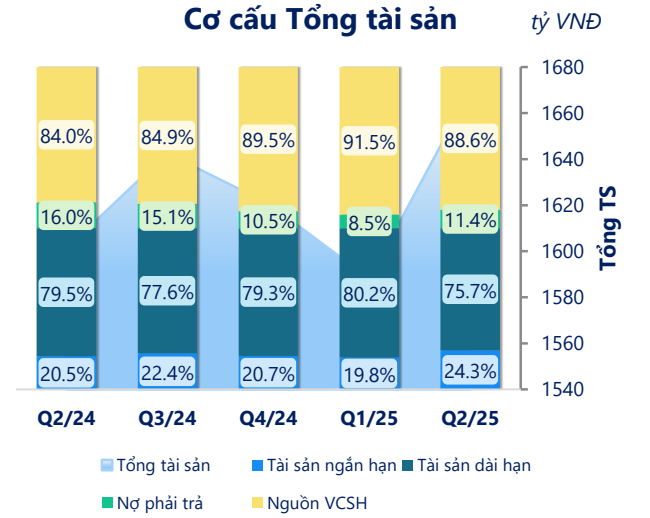
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



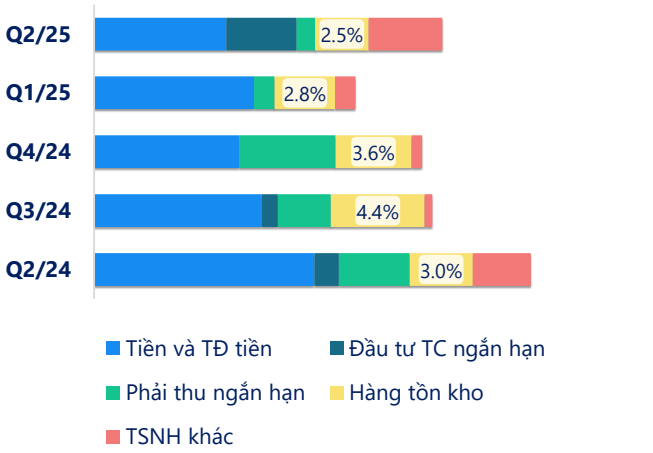
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



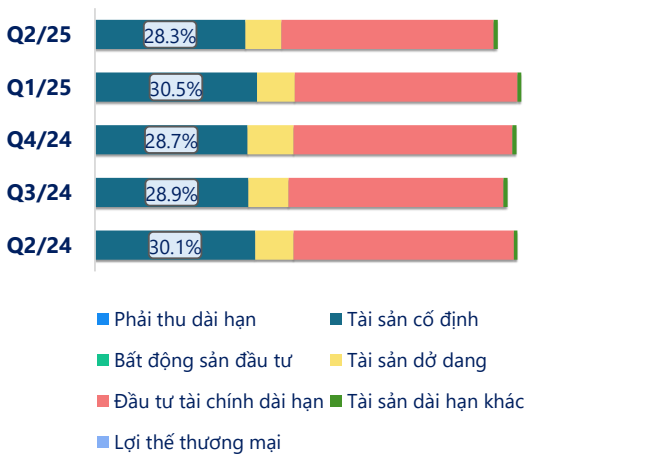
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



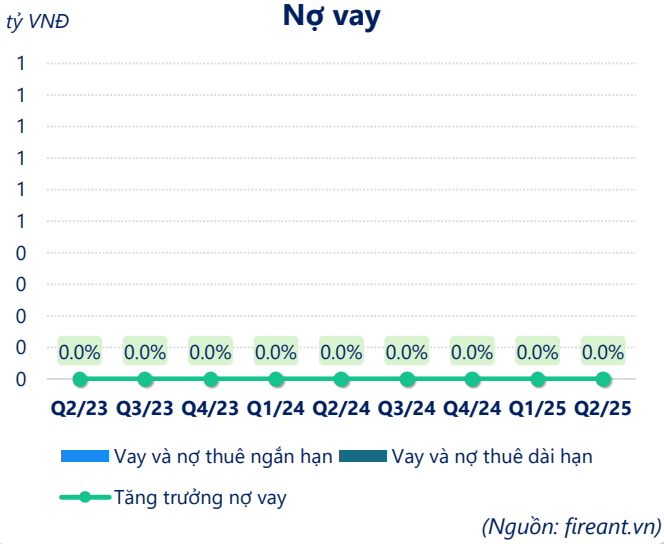
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



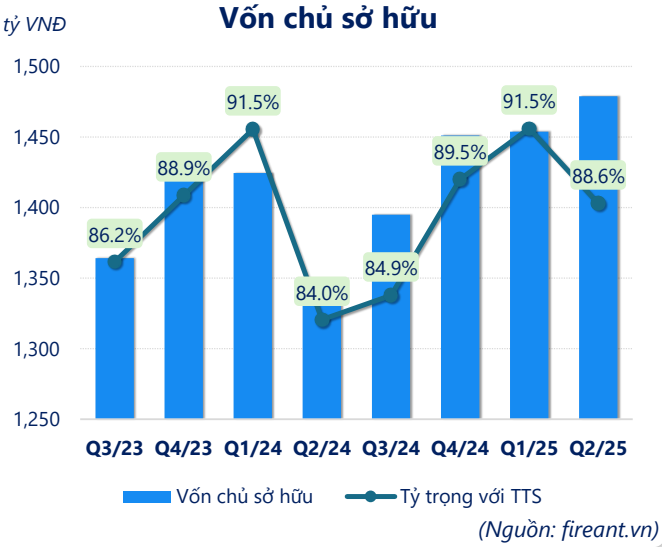
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



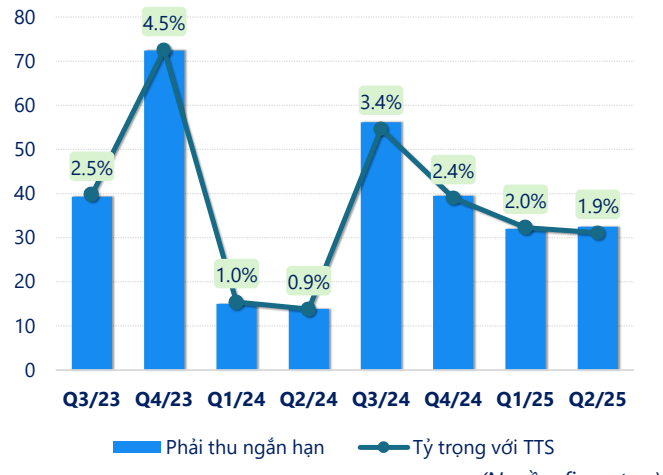
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



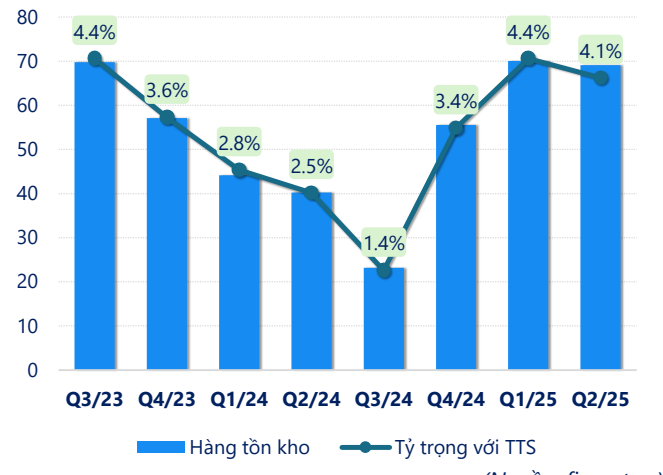
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



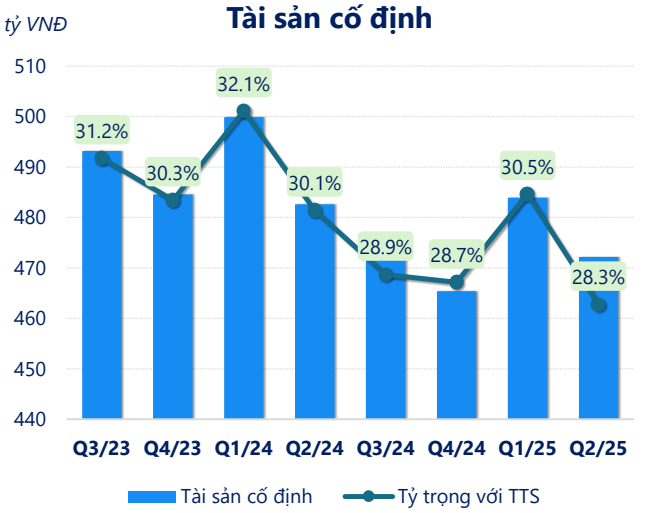
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



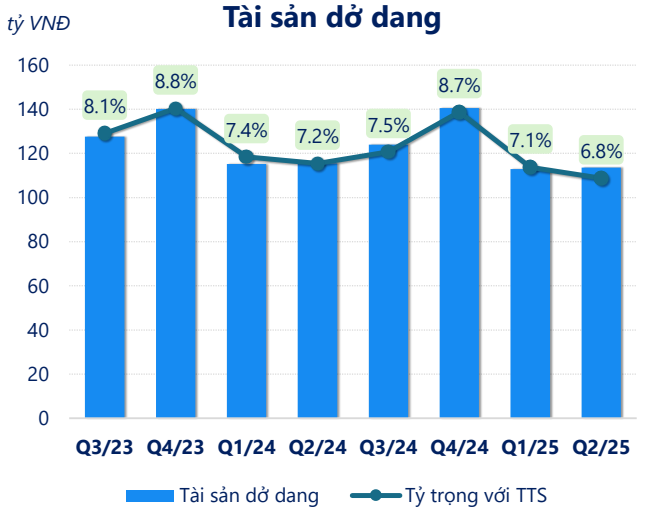
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



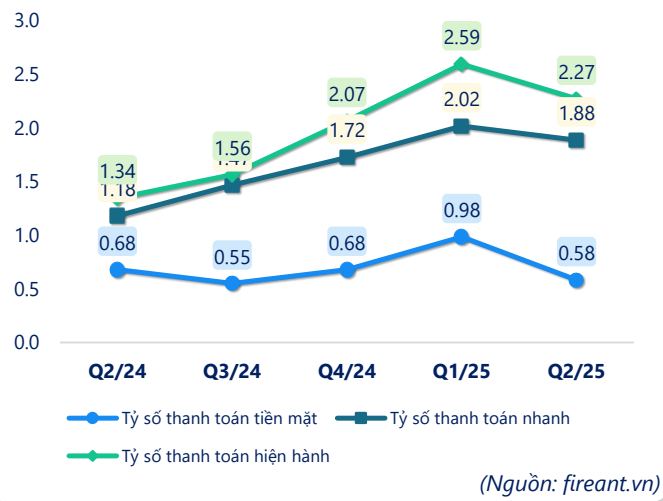
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



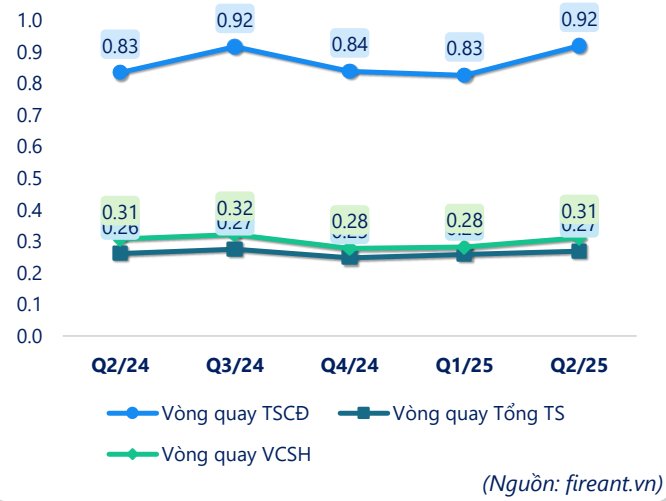
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,601**	**1,643**	**1,621**	**1,588**	**1,670**
Tài sản ngắn hạn	**329**	**368**	**336**	**315**	**405**
Tiền và tương đương tiền	166	130	110	120	104
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.0	125	129	79.5	168
Phải thu ngắn hạn	13.8	56.2	39.5	32.0	32.5
Hàng tồn kho	40.2	23.2	55.6	70.0	69.1
Tài sản ngắn hạn khác	55.6	34.4	2.10	13.9	31.6
Tài sản dài hạn	**1,273**	**1,274**	**1,285**	**1,273**	**1,265**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	483	474	465	484	472
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	116	124	141	113	114
Đầu tư tài chính dài hạn	663	663	666	665	666
Tài sản dài hạn khác	11.2	13.0	12.3	11.7	12.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**257**	**248**	**170**	**134**	**191**
Nợ ngắn hạn	**244**	**235**	**163**	**122**	**178**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.5	3.22	8.22	2.53	5.75
Nợ dài hạn	12.5	12.3	7.06	12.8	12.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,344**	**1,395**	**1,451**	**1,454**	**1,479**
Vốn chủ sở hữu	**1,344**	**1,395**	**1,451**	**1,454**	**1,479**
Vốn điều lệ	1,125	1,125	1,125	1,125	1,125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)